

SỞ GD VÀ ĐT BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM GDTX TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 195/BC-TTGD TX

Bình Định, ngày 04 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Giáo dục thường xuyên)

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

- Địa chỉ: 107A Thanh Niên, p.Quang Trung, Tp.Quy Nhơn, Bình Định.

- Điện thoại: 0256.3892319 - 3892053

- Cổng thông tin điện tử: <https://gdtxbinhdinh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình: Đơn vị Giáo dục công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng:

Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhà.

- Tầm nhìn:

Xây dựng Trung tâm GDTX tỉnh Bình Định thành một Trung tâm đạt chuẩn về chất lượng, có uy tín và từng bước tiếp cận, hòa nhập với nền giáo dục hiện đại, đáp ứng nhu cầu học thường xuyên, học suốt đời của người dân.

- Hệ thống giá trị cơ bản:

Tính kỷ luật; Tinh thần trách nhiệm; Tính sáng tạo; Tính trung thực; Sự hợp tác; Sự thân thiện; Tính đoàn kết và Khát vọng vươn lên.

- Mục tiêu chung:

Xây dựng Trung tâm thành cơ sở Giáo dục thường xuyên có uy tín; xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên có năng lực trong việc tiếp cận xu thế phát triển giáo dục tiên tiến. Đào tạo các thế hệ học viên sống có trách nhiệm, có tri thức, có phẩm chất đạo đức, có tư duy độc lập, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao. Đặc biệt là nơi đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân, thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành:

Tiền thân của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định là Trường Quản lý kinh tế tại chức tỉnh Nghĩa Bình, được thành lập tại quyết định số: 216-ĐTTS/UB ngày 15/02/1977 của UBND tỉnh Nghĩa Bình. Từ tháng 7/1989 - 6/1989 là Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng tại chức Bình Định. Từ 05/1992 - 04/1994 là Trường Hành chính - Kinh tế Bình Định trực thuộc UBND tỉnh Bình Định. Tên gọi Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định từ tháng 5/1994 theo Quyết định số 1188/QĐ-UB, ngày 07/4/1994 của UBND tỉnh Bình Định.

- Quá trình phát triển:

Gần 50 năm hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã có trên 7 vạn học viên tham gia các khóa bồi dưỡng cập nhật nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Đã có trên 35.000 học viên tốt nghiệp các khóa đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp đang công tác ở các cơ quan, đơn vị từ xã phường đến huyện, tỉnh. Nhiều người trong số đó đã và đang giữ vị trí là cán bộ chủ chốt của tỉnh và huyện, nhưng đông đảo nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Tuy còn nhiều ý kiến trái chiều, nhưng tính hiệu quả thiết thực của hình thức đào tạo không chính quy tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh đã được khẳng định, đó là:

- Góp phần đưa kiến thức khoa học, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ từ nhiều trường đại học về địa phương, phục vụ thiết thực nhu cầu học tập của đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Tạo cơ hội học tập nâng cao trình độ cho đông đảo cán bộ, viên chức và người lao động để thích ứng với nhu cầu công tác, việc làm ngày càng nâng cao trong điều kiện mới.

- Đào tạo gắn với sử dụng tại chỗ (vừa làm vừa học), tức là đào tạo theo địa chỉ và nhu cầu thiết thực của người học, là một giải pháp hiệu quả về xây dựng xã hội học tập.

- Góp phần chuẩn hóa trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đông đảo cán bộ viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Người chưa có việc làm, trong quá trình học tập hoặc sau khi tốt nghiệp có cơ hội tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm thuận lợi hơn.

Từ thực tiễn nêu trên có thể khẳng định Trung tâm GDTX là một mô hình, giải pháp hiệu quả để thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, phổ cập kiến thức, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, tạo cơ hội cho mọi người được tiếp cận với giáo dục để hòa nhập với cộng đồng và mưu cầu hạnh phúc.

Từ năm 2006 đến nay, Trung tâm GDTX tỉnh Bình Định là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên. Thực hiện phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc nhóm 2, giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND, ngày 28/04/2022 của UBND tỉnh Bình Định.

Trung tâm là cơ sở giáo dục không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân, hoạt động theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên”.

Tổ chức bộ máy của Trung tâm, gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, phòng Hành chính-Quản trị, phòng Quản lý Đào tạo và các tổ công tác; Chi bộ Đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn diện, cùng các tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn TNCS. Trong các năm học qua, tập thể VC-GV-NLĐ luôn đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; hoạt động của Trung tâm luôn đảm bảo theo Quy chế thực hiện dân chủ tại cơ sở.

- Tình hình học sinh qua các năm:

+ Năm học 2022-2023:

Khối lớp	SL học viên	HỌC LỰC/HỌC TẬP									
		Giỏi/Tốt		Khá		Trung bình /Đạt		Yếu /Chưa đạt		Kém	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
10	238	4	1,68%	28	11,76%	173	72,69%	33	13,87%		
11	128	2	1,56%	16	12,50%	74	57,81%	35	27,34%	1	0,78%
12	76	14	18,42%	62	81,58%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng	442	20	4,52%	106	23,98%	247	55,88%	68	15,38%	1	0,23%

Khối lớp	SL học viên n	HẠNH KIỂM/RÈN LUYỆN								Học viên không xếp loại	
		Tốt		Khá		Trung bình /Đạt		Yếu /Chưa đạt			
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
10	238	87	36,55%	88	36,97%	60	25,21%	3	1,26%		
11	128	70	54,69%	50	39,06%	8	6,25%	0	0,00%	0	0,00%
12	76	36	92,31%	3	7,69%	0	0,00%	0	0,00%	37	48,68%
Tổng	442	193	47,65%	141	34,81%	68	16,79%	3	0,74%	37	8,37%

Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2023: 92,11%

+ Năm học 2023-2024:

Khối lớp	SL học viên	HỌC LỰC/HỌC TẬP									
		Giỏi/Tốt		Khá		Trung bình /Đạt		Yếu /Chưa đạt		Kém	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
10	200	4	2,00%	39	19,50%	108	54,00%	49	24,5%		
11	210	5	2,38%	32	15,24%	134	63,81%	39	18,57%		
12	115	26	22,61%	75	65,22%	6	5,22%	0	0,00%	8	6,96%
Tổng	525	35	6,67%	146	27,81%	248	47,24%	88	16,76%	8	

Khối lớp	SL học viên	HẠNH KIỂM/RÈN LUYỆN								Học viên không xếp loại	
		Tốt		Khá		Trung bình /Đạt		Yếu /Chưa đạt			
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
10	200	92	46,00%	54	27,00%	28	14,00%	26	13,00%		
11	210	65	30,95%	76	36,19%	56	26,67%	13	6,19%		
12	115	74	64,35%	40	34,78%	1	0,87%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng	525	231	44,00%	170	32,38%	85	16,19%	39	7,43%	0	0,00%

Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2024: 100%

- Các Tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

- + Đoàn TN: Trực thuộc Đoàn Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Bình Định
- + Công đoàn cơ sở: Trực thuộc Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh gồm 18 đoàn viên, BCH Công đoàn có 03 đ/c

Các tổ chức, đoàn thể luôn được đơn vị tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động có hiệu quả.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Hồ Trung Phong

Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: 107A Thanh Niên, p.Quang Trung, Tp.Quì Nhon.

Số điện thoại: 0256. 38921737

Email: phong.ttgdtxbd@gmail.com; phonght.ttgdtx@inetccloud.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Quyết định số 1188/QĐ-UB ngày 07/4/1994 của UBND tỉnh Bình Định về việc tổ chức lại Trường Hành chính – Kinh tế thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định

- Quyết định phân công viên chức quản lý, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh kể từ ngày 01/9/2024 tại Quyết định số 3009/QĐ-GDĐT ngày 23/8/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Quy chế tổ chức hoạt động:

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc nhóm 2 giai đoạn 2022-2025, hoạt động theo Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Trung tâm là đơn vị công trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, tổ chức và hoạt động theo Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trung tâm có chức năng và nhiệm vụ sau:

Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục, đào tạo:

- Chương trình xóa mù chữ.
- Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở để cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông để cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người tàn tật, khuyết tật, đối tượng trong độ tuổi học phổ thông theo kế hoạch

hàng năm của địa phương, người lao động có nhu cầu hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

- Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ...

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp...

- Liên kết hoạt động giáo dục, đào tạo trong nước và ngoài nước theo quy định của Luật Giáo dục và pháp luật có liên quan. Tổ chức cho người học học tập, thực hành, trải nghiệm thông qua hợp tác, liên kết các chương trình giáo dục, đào tạo.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Cơ cấu tổ chức: gồm 02 phòng Quản lý Đào tạo và Hành chính-Quản trị, tổng số VCNLĐ: 18 người.

- Cơ sở vật chất: Diện tích 6.015 m²

- Số phòng học: 25

- Hội trường: 01

- Phòng máy tính: 02

- Số phòng chức năng: 07

- Thư viện: 01

- Phòng nghỉ giáo viên: 06

- Xếp hạng đơn vị: 4

- Đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2 tại Quyết định số 3486/QĐ-SGDĐT ngày 25/9/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trung tâm

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Hồ Trung Phong	Giám đốc	0907403952	phong.ttgdtxbd@gmail.com phonght.ttgdtx@inetcloud.vn

Địa chỉ nơi làm việc: 107A Thanh Niên, p.Quang Trung, Tp.Quy Nhơn, Bình Định.

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

1. Chiến lược phát triển trung tâm: Kế hoạch số 878/KH-TTGDTeX về kế hoạch chiến lược phát triển của Trung tâm giai đoạn 2022-2025 đã được Sở GD&ĐT phê duyệt.

2. Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quyết định số 179/QĐ-TTGDTeX, ngày 09/06/2017.

3. Quy chế làm việc: Quyết định số 151/QĐ-TTGDTeX, ngày 09/6/2017.

4. Quy chế tiếp công dân, giải quyết khiếu nại: Quyết định số 225/QĐ-TTGDTeX, ngày 30/12/2022.

5. Quy tắc ứng xử trong Trung tâm: Quyết định số 179/QĐ-TTGDTeX, ngày

25/10/2022.

6. Quy chế chi tiêu nội bộ 2024: Quyết định số 133/QĐ-TTGD TX, ngày 24/7/2024

7. Quy chế Quản lý tài sản trung tâm, Quyết định số 129/QĐ-TTGD TX, ngày 22/7/2016

8. Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Trung tâm: Quyết định số 263/QĐ-TTGD TX, ngày 30/12/2021.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

S T T	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý								
1	Giám đốc	1		1				
2	Phó Giám đốc	1		1				
II. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành								
1	Giáo viên GDTX							
1.1	Giáo viên cơ hữu		10	10		2	8	
1.2	Giáo viên hợp đồng							
1.3	Giáo viên thỉnh giảng		17				17	
2	Giáo viên GDNN							
2.1	Giáo viên cơ hữu							
2.2	Giáo viên hợp đồng							
...								
III. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
1	Kế toán		1			1		
2	Văn thư, thủ quỹ..		1				1	
3	Thiết bị		1				1	
...								
IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ								
1	Bảo vệ		2				2	
2	Phục vụ,....		2				2	

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định

- CBQL: Hoàn thành: 02 Tỉ lệ: 100%

- Giáo viên: Hoàn thành: Tỉ lệ: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối

thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Trung tâm	Diện tích đất (m ²)	Diện tích bình quân (m ² /HS)	Đạt yêu cầu theo quy định
1	107A Thanh Niên	6.015	60	X

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đạt yêu cầu theo quy định
1	Phòng Giám đốc	1	21	
2	Phòng Phó Giám đốc	1	21	
3	Phòng Hành chính – Tài vụ	1	43	
4	Phòng Quản lý Đào tạo	1	43	
5	Phòng Tổ GDTX-THPT	1	21	
6	Phòng bảo vệ	1	14	
7	Phòng y tế	1	14	
8	Phòng học	26	1.740	
9	Thư viện	1	50	
10	Phòng thực hành máy tính	2	135	
11	Phòng họp	1	43	
12	Khu vệ sinh	6	250	
13	Nhà để xe	2	2.000	
14	Phòng khách giáo viên	6	200	
15	Hội trường	1	280	
VI	Thiết bị dạy học, sách giáo khoa..	<i>(bộ)</i>		
1	Tivi led, máy chiếu	27		
2	Máy Photocopy	2		
3	Cassette bluetooth, USB	18		
4	Máy tính để bàn thực hành	70		
5	Máy tính làm việc	18		
6	Máy tính laptop	5		
7	Máy quay camera	1		
8	Sách giáo khoa 10, 11, 12	6		
9	Sách giáo viên	2		
10	Sách tham khảo	2		
11	Thiết bị dạy học tối thiểu	6		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Thực hiện Kế hoạch số 232/KH-TTGD TX, ngày 30/12/2022 về kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, kết quả đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

Trung tâm đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, công nhận tại Quyết định số 3486/QĐ-SGDĐT ngày 25/9/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định.

3. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm

Xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá theo năm học.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan: Kế hoạch tuyển sinh được thông báo trên Cổng thông tin điện tử đơn vị.

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024:

+ Chương trình giáo dục thường xuyên:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Đối sánh với năm học trước
			Khối lớp 10	Khối lớp 11	Khối lớp 12	
1	Kết quả tuyển sinh	229	229			
1.1	Bình quân số HV/lớp	46	46			
1.2	Số HV nam	177	177			
1.3	Số HV nữ	52	52			
1.5	Số HV khuyết tật	0	0			
1.6	Số HV DT thiểu số	0	0			
1.7	Số HV chuyển đi	0	0			
1.8	Số HV chuyển đến	0	0			
2	Kết quả đánh giá học sinh					
2.1	Số HV lên lớp	159	159	179		
2.2	Số HV ở lại lớp	41	41	31		

+ Chương trình liên kết đào tạo năm học 2023-2024:

Hệ đào tạo	Năm học 2023-2024		Tuyển mới		Tốt nghiệp		Số lượng học viên bỏ học
	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	
Đại học VLVH	45	1656	11	463	21	557	42
Đại học Từ xa	9	266	6	151	0	0	0
Bồi dưỡng	17	1281	17	1281	17	1281	0
Cộng	71	3203	34	1895	38	1938	42

b) Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với chương trình giáo dục thường xuyên)

- Xếp loại hạnh kiểm

Khối lớp	Tốt		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%

10	92	46.00%	54	27.00%	35	17.50%	19	9.50%
11	65	30.95%	76	36.19%	58	27.62%	11	5.24%
12	74	63.79%	40	34.48%	1	0.86%	0	0%
Toàn trường	231	44%	170	32.38%	94	17.90%	30	5.71%

- Xếp loại học lực

Khối lớp	Tốt/Giỏi		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu		Kém		Tổng số HS
	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	
10	4	2.00%	39	19.50%	116	58.00%	41	20.50%			200
11	5	2.38%	32	15.24%	142	67.62%	31	14.76%			210
12	26	22.41%	75	64.66%	6	5.17%	0	0%	8	6.9%	116
Toàn trường	35	6.65%	146	27.76%	264	50.19%	72	13.69%	8	1.52%	526

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 108; Tỷ lệ: 100%

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 108; Tỷ lệ: 100%

- Đa số học sinh sau khi tốt nghiệp THPT tham gia học tập tại các Trường trung cấp, Cao đẳng nghề, Đại học trên cả nước (*chưa thống kê được*).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định của pháp luật, trong đó có các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các căn cứ:

- Trung tâm là đơn vị sự nghiệp đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên thuộc nhóm 2 theo quyết định 4367/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính theo ND 60/2021/ND-CP ngày 21/6/2021.

- Thu học phí GDTX bậc THPT: theo quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015, quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định.

- Thu theo các hợp đồng liên kết đào tạo đối với các lớp liên kết đào tạo, bồi dưỡng.

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI (2024)	NĂM TRƯỚC LIỀN KÊ
A	CÁC KHOẢN THU	13.405.167.603	11.835.767.914
1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	51.991.036	95.063.015
	<i>Trong đó:</i>		
<i>1.1</i>	<i>Ngân sách nhà nước giao tự chủ tài chính</i>	<i>51.991.036</i>	<i>95.063.015</i>
<i>1.2</i>	<i>Ngân sách nhà nước giao không tự chủ</i>		

	<i>tài chính</i>		
1.3	<i>Ngân sách nhà nước hỗ trợ khác</i>		
2	Nguồn thu	13.353.176.567	11.740.704.899
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	<i>Học phí GDTX</i>	801.400.000	688.265.000
2.2	<i>Thu khác (liên kết đào tạo, thu hoạt động tài chính, ...)</i>	12.551.776.567	11.052.439.899
3	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học		
B	CÁC KHOẢN CHI		
B.1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	51.991.036	95.063.015
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	43.391.036	88.113.015
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	5.450.000	2.750.000
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học		
4	Chi khác	3.150.000	4.200.000
B.2	Chi phí	7.099.360.282	4.744.692.833
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	1.870.181.444	1700.229.468
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	4.493.497.335	2.250.571.953
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học	68.800.700	115.650.856
4	Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)	342.544.037	327.272.332
5	Chi khác	324.336.766	350.968.224
B.3	Chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học		
1	Tiền dạy thêm, học thêm		

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Thực hiện đầy đủ, đảm bảo theo các quy định của UBND tỉnh và ngành.

- Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí GDTX bậc THPT theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ. Cụ thể trong năm 2024 Trung tâm đã thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP cho 9 học viên với số tiền 5.450.000 đồng; Thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho 5 học viên với số tiền 3.150.000 đồng.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI 2024	NĂM TRƯỚC LIÊN KÊ
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	17.025.511.211	15.849.046.328
2	Quỹ bổ sung thu nhập		

3	Quỹ khen thưởng	405.664.350	399.520.750
4	Quỹ phúc lợi	224.949.878	522.427.421
5	Nguồn cải cách tiền lương	2.184.383.407	1.293.346.958

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Kết quả đánh giá xếp loại Chi bộ hằng năm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Kết quả đánh giá xếp loại Công đoàn cơ sở hằng năm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Kết quả đánh giá xếp loại Đoàn thanh niên hằng năm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Kết quả đánh giá xếp loại về An ninh trật tự hằng năm: xuất sắc.

Trên đây là báo cáo công khai của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- 02 phòng CMNV;
- Trang TTĐT đơn vị;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hồ Trung Phong

TỈNH BÌNH ĐỊNH

